

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
Áp dụng cho các khóa Đại học chính quy từ khóa tuyển sinh năm 2024
(Ban hành kèm theo quyết định số, ngày ../../20.. của Hiệu trưởng
Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên chương trình đào tạo: Quản trị kinh doanh
2. Trình độ đào tạo: Đại học
3. Ngành đào tạo:
 - Tên tiếng Việt: Quản trị kinh doanh
 - Tên tiếng Anh: Business Administration
4. Mã ngành: 7340101
5. Loại hình đào tạo: Chính quy
6. Thời gian đào tạo: 3,5 năm
7. Tổng khối lượng kiến thức: 152 tín chỉ (120 tín chỉ tích lũy và 32 tín chỉ không tích lũy)
8. Tên văn bằng tốt nghiệp:
 - Tên tiếng Việt: Cử nhân Quản trị kinh doanh
 - Tên tiếng Anh: Bachelor of Business Administration
9. Khoa chủ quản: Kinh tế - Luật
 - Địa chỉ văn phòng: 01 Trương Văn Bang, Phường 7, Thành phố Vũng Tàu
 - Điện thoại liên lạc: 0254.7300.668(số nhánh 3140)
 - Website: <https://bvuu.edu.vn/khoa-kinh-te-luat>
 - Email: khoakinhteluat@bvuu.edu.vn
10. Vị trí việc làm: Sau khi tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu, sinh viên có thể làm việc như:
 - Trong thời gian đầu (ít hơn 3 năm), SV có thể làm việc ở các vị trí sau:
 - o Nhân viên kinh doanh, bán hàng, marketing;
 - o Nhân viên bộ phận chăm sóc/ dịch vụ khách hàng;
 - o Nhân viên bộ phận kế hoạch, chất lượng, thu mua – cung ứng;
 - o Nhân viên bộ phận nhân sự (tuyển dụng, đào tạo, C&B);
 - Từ 3-5 năm có khả năng đảm trách các vị trí: Quản lý các nhóm công việc hay quản lý cấp thấp tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ
 - o Trưởng nhóm kinh doanh, bán hàng, marketing;
 - o Chuyên viên bộ phận chăm sóc/ dịch vụ khách hàng;
 - o Chuyên viên bộ phận kế hoạch, chất lượng, thu mua – cung ứng;
 - o Khởi nghiệp kinh doanh.
 - Về dài hạn (trên 5-10 năm) có thể phát triển nghề nghiệp ở những vị trí cấp cao:
 - o Giám đốc điều hành doanh nghiệp (CEO);

- o Giám đốc kinh doanh, bán hàng, marketing;
- o Giám đốc bộ phận chăm sóc/ dịch vụ khách hàng.

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. *Mục tiêu chung:* Đào tạo sinh viên ngành Quản trị kinh doanh theo định hướng ứng dụng:
 - Có phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức bảo vệ Tổ quốc và sức khỏe tốt;
 - Có đầy đủ kiến thức và kỹ năng cơ bản, chuyên sâu cùng kiến thức thực tế cần thiết trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh;
 - Có khả năng làm việc độc lập, tự học, nghiên cứu, sáng tạo, khởi nghiệp;
 - Có khả năng sử dụng ngoại ngữ và tin học đạt mức chuẩn tối thiểu của khung trình độ quốc gia Việt Nam;
 - Có kỹ năng mềm cần thiết đáp ứng nhu cầu thị trường lao động lĩnh vực Quản trị kinh doanh trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2. *Mục tiêu cụ thể:*

Kiến thức	
PO1	Cung cấp cho sinh viên đầy đủ kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật, quốc phòng-an ninh, ngoại ngữ, tin học....
PO2	Trang bị cho sinh viên đầy đủ kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh.
Kỹ năng	
PO3	Phát triển kỹ năng sử dụng thành thạo công nghệ thông tin, ngoại ngữ, kỹ năng mềm cho sinh viên trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh.
PO4	Xây dựng cho sinh viên kỹ năng nhận thức, thực hành nghề nghiệp, giao tiếp ứng xử để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn tương xứng với vị trí nghề nghiệp trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh;
Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
PO5	Bồi dưỡng, rèn luyện cho sinh viên phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm xã hội và sức khỏe phục vụ công việc, bảo vệ đất nước.
PO6	Hình thành cho sinh viên có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tự học, thích ứng trong mọi điều kiện làm việc thuộc lĩnh vực Quản trị kinh doanh.

III. CHUẨN ĐẦU RA (PROGRAMME LEARNING OUTCOMES -PLOs)

Kiến thức	
PLO1	Sinh viên có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.
PLO2	Sinh viên có kiến thức công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc,

PLO3	Sinh viên có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu rộng, kiến thức bổ trợ cần thiết để giải quyết vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh.
PLO4	Sinh viên có kiến thức cơ bản về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh. Biết được các phương thức chủ động nghiên cứu sáng tạo, phát triển ý tưởng khởi nghiệp, xây dựng, triển khai kinh doanh.
PLO5	Sinh viên có kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh. Hiểu rõ các quy trình vận hành, quản lý của một tổ chức. Có kiến thức thực tế từ doanh nghiệp qua đó rèn luyện kỹ năng và thái độ để làm việc tại doanh nghiệp.
PLO6	Hình thành cho sinh viên khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tự học, học tập suốt đời để thích ứng trong mọi điều kiện làm việc thuộc lĩnh vực Quản trị kinh doanh.
Kỹ năng	
PLO7	Có năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 khung trình độ quốc gia Việt Nam. Có kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm Word, Excel, Powerpoint theo chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist).
PLO8	Có kỹ năng giải quyết các tình huống phức tạp: khả năng phân tích nhận diện các cơ hội, nguy cơ, điểm mạnh, điểm yếu của doanh nghiệp cũng như tham mưu cho doanh nghiệp trong công tác hoạch định chiến lược phát triển của doanh nghiệp. Có kỹ năng cần thiết để giải quyết các vấn đề phức tạp: Khả năng nhận diện, phân tích, vận dụng các kiến thức chuyên sâu về quản trị chiến lược, marketing, kế toán, tài chính nhằm giải quyết hiệu quả các vấn đề, phát triển giải pháp ứng dụng trong hoạt động quản trị kinh doanh.
PLO9	Có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và người khác. Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc, chuyển tải phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.
PLO10	Có kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm. Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi. Khả năng phân tích, sáng tạo và đánh giá các thông tin để đưa ra quyết định về: Quản trị chất lượng; Kế toán tài chính, Marketing; Quản trị nguồn nhân lực và chăm sóc khách hàng trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh.
Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
PLO11	Có năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm. Biết tôn trọng sự khác biệt giữa các thành viên trong nhóm và tìm sự thống nhất thông qua thảo luận. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động thuộc lĩnh vực Quản trị kinh doanh.

PLO12	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ thuộc chuyên môn Quản trị kinh doanh. Tuân thủ quy định của luật pháp, có lối sống lành mạnh và đạo đức tốt; tuân thủ chuẩn mực đạo đức và nguyên tắc nghề nghiệp. Tích cực tham gia các phong trào trong và ngoài trường nhằm trau dồi thêm kỹ năng sống và học tập cho mình.
PLO13	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. Bản lĩnh, tự tin với kiến thức đã học; Có sự đam mê nghề nghiệp, tinh thần học tập tự giác cao độ, luôn cập nhật kiến thức và sáng tạo trong học tập thông qua các hoạt động học thuật trong và ngoài trường và không ngừng học tập nâng cao kiến thức chuyên môn.

* *PROGRAMME OBJECTIVES – Pos*

IV. CHUẨN ĐẦU VÀO

Chuẩn đầu vào của ngành Quản trị kinh doanh thực hiện theo quy định trong Đề án tuyển sinh hàng năm của Nhà trường.

V. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo của ngành Quản trị kinh doanh hệ đại học chính quy được thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường.

2. Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện tốt nghiệp của ngành Quản trị kinh doanh tuân thủ theo quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường.

VI. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	KHỐI KIẾN THỨC	SỐ TÍN CHỈ	TỈ LỆ
I. KIẾN THỨC TÍNH ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG			
1	Kiến thức giáo dục đại cương	40	33,33%
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	80	66,67%
2.1	Cơ sở ngành, chuyên ngành	62	
2.2	Học kỳ doanh nghiệp	10	
2.3	Khóa luận tốt nghiệp/Các học phần thay thế	08	
TỔNG CỘNG		120	100%
II.KIẾN THỨC KHÔNG TÍNH ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG		32*	
1	Giáo dục quốc phòng và an ninh	08*	

STT	KHỐI KIẾN THỨC	SỐ TÍN CHỈ	TỈ LỆ
2	Giáo dục thể chất	03*	
3	Chuẩn đầu ra tin học	06*	
4	Chuẩn đầu ra ngoại ngữ	12*	
5	Chuẩn đầu ra kỹ năng mềm	03*	
	TỔNG CỘNG	32*	
<i>Ghi chú: 120 tín chỉ tích lũy tính điểm trong chương trình đào tạo và 32 tín chỉ có ký hiệu (*) không tích lũy điểm, nhưng bắt buộc học để hoàn thiện chuẩn đầu ra</i>			

VII. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước	TC Online
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
I. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			40					11
1	0101122791	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	6		2
2	0101122792	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	4	0101122791	1
3	0101060020	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	4	0101122792	1
4	0101060016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	4	0101060020	1
5	0101060034	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	4	0101060016	1
6	0101123622	Tiếng Anh giao tiếp	3	3	0	6		
7	0101123675	Tiếng Anh thương mại A1	3	3	0	6	0101123622	
8	0101123676	Tiếng Anh thương mại A2	3	3	0	6	0101123675	
9	0101123677	Tiếng Anh thương mại A3	3	3	0	6	0101123676	
10	0101124301	Tiếng Anh văn phòng	3	3	0	6	0101123677	
11	0101123627	Văn hóa sinh viên BVU	3	3	0	6		1
12	0101124317	Kỹ năng kinh doanh	3	3	0	6		
13	0101124319	Quản trị học	2	2	0	4		1
14	0101123710	Pháp luật hợp đồng	3	3	0	6		2
15	0101123608	Nhập môn ngành quản trị kinh doanh	3	3	0	6		1
II. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH			28					9
16	0101100031	Kinh tế học	3	3	0	6		1
17	0101100129	Marketing dịch vụ	3	3	0	6		1
18	0101121003	Nghiệp vụ xuất nhập khẩu và thanh toán quốc tế	3	3	0	6		1

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước	TC Online
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
19	0101100050	Nguyên lý kế toán	3	3	0	6		1
20	0101124320	Quản trị doanh nghiệp	3	3	0	6		1
21	0101124318	Thống kê doanh nghiệp	3	3	0	6		1
22	0101100082	Tài chính doanh nghiệp	3	3	0	6		1
23	0101100039	Luật Kinh tế	3	3	0	6		1
24	0101124182	Thương mại điện tử	2	1	1	4	0101100129	
25	0101124033	Quản trị hành chính văn phòng	2	1	1	4		1
III. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			34					11
26	0101122830	Quản trị chiến lược	3	3	0	6		1
27	0101100075	Quản trị tài chính	3	3	0	6	0101100050	1
28	0101100076	Quản trị thương hiệu	3	3	0	6		1
29	0101100070	Quản trị nguồn nhân lực	3	3	0	6		1
30	0101124034	Quản trị và nghiệp vụ bán hàng	3	2	1	6		1
31	0101100074	Quản trị sản xuất	3	3	0	6		1
32	0101124035	Tiếng Anh ngành Quản trị kinh doanh	3	3	0	6		1
33	0101100058	Quản trị chất lượng	3	3	0	6		1
<i>Sinh viên chỉ chọn 01 trong 05 nhóm chuyên ngành sau</i>								
Nhóm 1: Chuyên ngành Quản trị kinh doanh								
34	0101124321	Phát triển kỹ năng quản trị	3	2	1	6		1
35	0101123833	Kế toán quản trị	3	3	0	6	0101100050	1

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước	TC Online
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
36	0101124196	Quản trị hậu cần và chuỗi cung ứng	4	3	1	8		1
Nhóm 2: Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp								
34	101124037	Quản trị rủi ro	3	2	1	6		1
35	0101124038	Quan hệ và chăm sóc khách hàng	3	2	1	6		1
36	0101124039	Quản trị dự án	4	3	1	8		1
Nhóm 3: Chuyên ngành Quản trị nguồn nhân lực								
34	0101124321	Phát triển kỹ năng quản trị	3	2	1	6		1
35	0101122664	Luật lao động	3	3	0	6		1
36	0101124197	Quản trị nhân lực quốc tế	4	3	1	8		1
Nhóm 4: Chuyên ngành Quản trị truyền thông đa phương tiện								
34	0101122916	Ứng dụng thiết kế web	3	2	1	6		1
35	0101122930	Tin, viết tin và kỹ năng khai thác thông tin trên Internet	3	2	1	6		1
36	0101124042	Quản trị rủi ro và xử lý khủng hoảng truyền thông	4	3	1	8		1
Nhóm 5: Chuyên ngành Kinh doanh bất động sản								
34	0101123247	Thị trường bất động sản	3	2	1	6		1
35	0101123468	Nghiep vụ và quản lý tại sàn bất động sản	3	2	1	6		1
36	0101124045	Môi giới bất động sản	4	3	1	8		1
IV. HỌC KỲ DOANH NGHIỆP			10					0
37	0101124450	Thực tập tốt nghiệp	4	0	4	8		

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước	TC Online
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
38	0101124457	Văn hóa doanh nghiệp	3	0	3	6		
39	0101124434	Thực hành kỹ năng nghề nghiệp	3	0	3	6		
V. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP HOẶC HỌC PHẦN THAY THẾ			8					4
<i>Sinh viên chỉ thực hiện khóa luận hoặc học các học phần thay thế</i>								
40	0101100102	Khóa luận tốt nghiệp	8	0	8	16		
<i>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>								
40a	0101124025	Đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội	2	2	0	4		1
40b	0101124026	Kỹ năng tìm việc và khởi nghiệp	2	1	1	4		1
40c	0101124049	Thay đổi và phát triển doanh nghiệp	2	2	0	4		1
40d	0101100055	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	2	0	4		1
VI. KIẾN THỨC KHÔNG TÍNH ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG			32*					0
41	0101060029	<i>Giáo dục quốc phòng và an ninh*</i>	8*	5	3	16		
42	0101123628	<i>Giáo dục thể chất*</i>	2*	0	2	4		
43	0101060025	<i>Giáo dục thể chất 2*</i>	1*	0	1	2	0101123628	
44	0101123664	<i>Mos Word*</i>	2*	1	1	4	0101123626	
45	0101123665	<i>Mos Excel*</i>	2*	1	1	4	0101123664	
46	0101121911	<i>Mos Powerpoint*</i>	2*	1	1	4	0101123665	
47	0101124322	<i>Kỹ năng nghiên cứu thị trường *</i>	3*	2	1	6		
48	0101123671	<i>Tiếng Anh CĐR 1*</i>	3*	3	0	6		
49	0101123672	<i>Tiếng Anh CĐR 2*</i>	3*	3	0	6	0101123671	

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước	TC Online
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
50	0101123673	Tiếng Anh CĐR 3*	3*	3	0	6	0101123672	
51	0101123674	Tiếng Anh CĐR 4*	3*	3	0	6	0101123673	
TỔNG SỐ TÍN CHỈ <i>(120 tín chỉ tích lũy tính điểm trong chương trình đào tạo và 32 tín chỉ của các học phần có ký hiệu (*) không tích lũy điểm, nhưng bắt buộc học để hoàn thiện chuẩn đầu ra)</i>			152					35

VIII. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CHI TIẾT

S T T	Mã HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Học phần học trước	TC online
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
NĂM THỨ NHẤT								
HỌC KỲ 1			9					2
1	0101123627	Văn hóa sinh viên BVU	3	3	0	6		1
2	0101123622	Tiếng Anh giao tiếp	3	3	0	6		
3	0101123608	Nhập môn ngành quản trị kinh doanh	3	3	0	6		1
HỌC KỲ 2			16					4
1	0101123664	Mos Word*	2*	1	1	4		
2	0101123675	Tiếng Anh thương mại A1	3	3	0	6	0101123622	
3	0101100031	Kinh tế học	3	3	0	6		1
4	0101123710	Pháp luật hợp đồng	3	3	0	6		2
5	0101124319	Quản trị học	2	2	0	4		1
6	0101124317	Kỹ năng kinh doanh	3	3	0	6		

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Học phần học trước	TC online
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
HỌC KỲ 3			19					3
1	0101123665	Mos Excel*	2*	1	1	4	0101123664	
2	0101123676	Tiếng Anh thương mại A2	3	3	0	6	0101123675	
3	0101100129	Marketing dịch vụ	3	3	0	6		1
4	0101124320	Quản trị doanh nghiệp	3	3	0	6		1
5	0101100050	Nguyên lý kế toán	3	3	0	6		1
6	0101124322	Kỹ năng nghiên cứu thị trường*	3*	2	1	6		
7	0101123628	Giáo dục thể chất*	2*	0	2	4		
NĂM THỨ HAI								
HỌC KỲ 4			22					4
1	0101060029	Giáo dục quốc phòng-An ninh*	8*	5	3	16		
2	0101121911	Mos Powerpoint*	2*	1	1	4	0101123665	
3	0101122791	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	6		2
4	0101123677	Tiếng Anh thương mại A3	3	3	0	6	0101123676	
5	0101100070	Quản trị nguồn nhân lực	3	3	0	6		1
6	0101100074	Quản trị sản xuất	3	3	0	6		1
HỌC KỲ 5			19					5
1	0101123671	Tiếng Anh CDR I*	3*	3	0	6		
2	0101122792	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	4		1

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Học phần học trước	TC online
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
3	0101124301	Tiếng Anh Văn phòng	3	3	0	6		
4	0101124033	Quản trị hành chính văn phòng	2	1	1	4		1
5	0101100082	Tài chính doanh nghịệp	3	3	0	6		1
6	0101124034	Quản trị và nghiệp vụ bán hàng	3	2	1	6		1
7	0101100076	Quản trị thương hiệu	3	3	0	6		1
HỌC KỲ 6			11					3
1	0101123672	Tiếng Anh CDR 2*	3*	3	0	6	0101123671	
2	0101060020	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	4	0101122792	1
3	0101124318	Thống kê doanh nghịệp	3	3	0	6		1
4	0101121003	Nghiệp vụ xuất nhập khẩu và thanh toán quốc tế	3	3	0	6		1
NĂM THỨ BA								
HỌC KỲ 7			16					4
1	0101123673	Tiếng Anh CDR 3*	3*	3	0	6	0101123672	
2	0101060016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	4	0101060020	1
3	0101100039	Luật Kinh tế	3	3	0	6		1
4	0101122830	Quản trị chiến lược	3	3	0	6		1
5	0101100058	Quản trị chất lượng	3	3	0	6		1
6	0101124182	Thương mại điện tử	2	1	1	4	0101100129	

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Học phần học trước	TC online
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
HỌC KỲ 8			19					5
1	0101060025	Giáo dục thể chất 2*	1*	0	1	2	0101123628	
2	0101123674	Tiếng Anh CDR 4*	3*	3	0	6	0101123673	
3	0101060034	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	4	0101060016	1
4	0101100075	Quản trị tài chính	3	3	0	6	0101100050	1
Sinh viên chỉ chọn 01 trong 05 nhóm chuyên ngành sau								
Nhóm 1: Chuyên ngành Quản trị kinh doanh								
5	0101124321	Phát triển kỹ năng quản trị	3	2	1	6		1
6	0101123833	Kế toán quản trị	3	3	0	6	0101100050	1
7	0101124196	Quản trị hậu cần và chuỗi cung ứng	4	3	1	8		1
Nhóm 2: Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp								
5	0101124037	Quản trị rủi ro	3	2	1	6		1
6	0101124038	Quan hệ và chăm sóc khách hàng	3	2	1	6		1
7	0101124039	Quản trị dự án	4	3	1	8		1
Nhóm 3: Chuyên ngành Quản trị nguồn nhân lực								
5	0101124321	Phát triển kỹ năng quản trị	3	2	1	6		1
6	0101122664	Luật lao động	3	3	0	6		1
7	0101124197	Quản trị nhân lực quốc tế	4	3	1	8		1
Nhóm 4: Chuyên ngành Quản trị truyền thông đa phương tiện								
5	0101122916	Ứng dụng thiết kế web	3	2	1	6		1

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Học phần học trước	TC online
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
6	0101122930	Tin, viết tin và kỹ năng khai thác thông tin trên Internet	3	2	1	6		1
7	0101124042	Quản trị rủi ro và xử lý khủng hoảng truyền thông	4	3	1	8		1
Nhóm 5: Chuyên ngành Kinh doanh bất động sản								
5	0101123247	Thị trường bất động sản	3	2	1	6		1
6	0101123468	Nghiệp vụ và quản lý tài sản bất động sản	3	2	1	6		1
7	0101124045	Môi giới bất động sản	4	3	1	8		1
HỌC KỲ 9 (Học kỳ doanh nghiệp)			10					0
1	0101124450	Thực tập tốt nghiệp	4	0	4	8		
2	0101124457	Văn hóa doanh nghiệp	3	0	3	6		
3	0101124434	Thực hành kỹ năng nghề nghiệp	3	0	3	6		
NĂM THỨ TƯ								
HỌC KỲ 10			11					5
1	0101124035	Tiếng Anh ngành Quản trị kinh doanh	3	3	0	6		1
<i>Sinh viên chỉ thực hiện khóa luận hoặc học các học phần thay thế</i>								
2	0101100102	Khóa luận tốt nghiệp	8	0	8	16		
<i>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>								
2a	0101124025	Đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội	2	2	0	4		1
2b	0101124026	Kỹ năng tìm việc và khởi nghiệp	2	1	1	4		1

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Học phần học trước	TC online
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
2c	0101124049	Thay đổi và phát triển doanh nghiệp	2	2	0	4		1
2d	0101100055	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	2	0	4		1
TỔNG SỐ TÍN CHỈ <i>(120 tín chỉ tích lũy tính điểm trong chương trình đào tạo và 32 tín chỉ của các học phần có ký hiệu (*) không tích lũy điểm, nhưng bắt buộc học để hoàn thiện chuẩn đầu ra)</i>			152					35

IX. MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	HỌC KỲ BỐ TRÍ	SỰ ĐÓNG GÓP CỦA CÁC HỌC PHẦN VÀO VIỆC ĐẠT ĐƯỢC CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH												
				P L O 1	P L O 2	P L O 3	P L O 4	P L O 5	P L O 6	P L O 7	P L O 8	P L O 9	P L O 10	P L O 11	P L O 12	P L O 13
I. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG																
1	0101122791	Triết học Mác – Lênin	4		X					X					X	X
2	0101122792	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	5		X					X					X	X
3	0101060020	Chủ nghĩa xã hội khoa học	6		X					X					X	X
4	0101060034	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	8		X					X					X	X
5	0101060016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	7	X	X					X					X	
6	0101123622	Tiếng Anh giao tiếp	1			X				X				X		X
7	0101123675	Tiếng Anh thương mại A1	2				X					X	X		X	
8	0101123676	Tiếng Anh thương mại A2	3				X					X	X		X	
9	0101123677	Tiếng Anh thương mại A3	4			X				X				X		X
10	0101124301	Tiếng Anh Văn phòng	5				X			X				X		X
11	0101123627	Văn hóa sinh viên BVU	1	X						X						X
12	0164123710	Pháp luật về hợp đồng	2		X			X		X		X			X	X
13	0164124317	Kỹ năng kinh doanh	2			X	X			X	X	X	X	X	X	X
14	0101124319	Quản trị học	2			X	X				X	X		X	X	X
15	0101123608	Nhập môn ngành quản trị kinh doanh	1			X	X		X	X		X	X	X	X	X
II. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH																
16	0101100031	Kinh tế học	2			X					X				X	X

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	HỌC KỲ BỐ TRÍ	SỰ ĐÓNG GÓP CỦA CÁC HỌC PHẦN VÀO VIỆC ĐẠT ĐƯỢC CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH												
				P L O 1	P L O 2	P L O 3	P L O 4	P L O 5	P L O 6	P L O 7	P L O 8	P L O 9	P L O 10	P L O 11	P L O 12	P L O 13
17	0101100129	Marketing dịch vụ	3				X	X	X		X	X		X	X	X
18	0101121003	Nghiệp vụ xuất nhập khẩu và thanh toán quốc tế	6				X				X				X	X
19	0101100050	Nguyên lý kế toán	3		X					X					X	
20	0101124320	Quản trị doanh nghiệp	3	X						X				X		X
21	0101124318	Thống kê doanh nghiệp	6		X	X	X		X				X	X	X	
22	0101100082	Tài chính doanh nghiệp	5			X	X		X	X		X	X	X	X	X
23	0101100039	Luật Kinh tế	7		X			X		X		X			X	X
24	0101124182	Thương mại điện tử	7		X					X	X				X	X
25	0101124033	Quản trị hành chính văn phòng	5		X			X		X		X			X	X
III. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH																
26	0101122830	Quản trị chiến lược	7				X	X			X		X	X	X	X
27	0101100075	Quản trị tài chính	8			X		X			X	X			X	X
28	0101100076	Quản trị thương hiệu	5					X				X			X	X
29	0101100070	Quản trị nguồn nhân lực	4				X	X			X	X		X	X	X
30	0101124034	Quản trị và nghiệp vụ bán hàng	5				X	X			X		X		X	X
31	0101100074	Quản trị sản xuất	4			X	X				X	X		X	X	X
32	0101124035	Tiếng Anh ngành Quản trị kinh doanh	10			X	X			X	X	X		X	X	X
33	0101100058	Quản trị chất lượng	7				X	X	X				X	X	X	X
Sinh viên chỉ chọn 01 trong 05 nhóm chuyên ngành sau																

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	HỌC KỲ BỐ TRÍ	SỰ ĐÓNG GÓP CỦA CÁC HỌC PHẦN VÀO VIỆC ĐẠT ĐƯỢC CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH												
				P L O 1	P L O 2	P L O 3	P L O 4	P L O 5	P L O 6	P L O 7	P L O 8	P L O 9	P L O 10	P L O 11	P L O 12	P L O 13
Nhóm 1: Chuyên ngành Quản trị kinh doanh																
34	0101124321	Phát triển kỹ năng quản trị	8			X	X	X		X			X	X		X
35	0101123833	Kế toán quản trị	8			X					X	X			X	
36	0101124196	Quản trị hậu cần và chuỗi cung ứng	8					X				X			X	X
Nhóm 2: Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp																
34	0101124037	Quản trị rủi ro	8			X			X		X	X			X	X
35	0101124038	Quan hệ và chăm sóc khách hàng	8				X	X	X		X	X		X	X	X
36	0101124039	Quản trị dự án	8					X				X			X	X
Nhóm 3: Chuyên ngành Quản trị nguồn nhân lực																
34	0101124321	Phát triển kỹ năng quản trị	8			X	X	X		X			X	X		X
35	0101122664	Luật lao động	8		X	X		X		X			X		X	X
36	0101124197	Quản trị nhân lực quốc tế	8			X	X		X		X	X			X	X
Nhóm 4: Chuyên ngành Quản trị truyền thông đa phương tiện																
34	0101122916	Ứng dụng thiết kế web	8					X				X			X	X
35	0101122930	Tin, viết tin và kỹ năng khai thác thông tin trên Internet	8		X	X	X			X	X		X	X	X	
36	0101124042	Quản trị rủi ro và xử lý khủng hoảng truyền thông	8			X	X	X			X	X	X	X	X	
Nhóm 5: Chuyên ngành Kinh doanh bất động sản																
34	0101123247	Thị trường bất động sản	8					X				X			X	X

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	HỌC KỲ BỐ TRÍ	SỰ ĐÓNG GÓP CỦA CÁC HỌC PHẦN VÀO VIỆC ĐẠT ĐƯỢC CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH												
				P L O 1	P L O 2	P L O 3	P L O 4	P L O 5	P L O 6	P L O 7	P L O 8	P L O 9	P L O 10	P L O 11	P L O 12	P L O 13
35	0101123468	Nghiep vụ và quản lý tại sản bất động sản	8			X	X	X		X			X	X		X
36	0101124045	Môi giới bất động sản	8			X	X	X	X	X	X		X	X		X
IV. HỌC KỲ DOANH NGHIỆP																
37	0101124450	Thực tập tốt nghiệp	9	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
38	0101124457	Văn hóa doanh nghiệp	9			X		X	X		X	X		X	X	X
39	0101124434	Thực hành kỹ năng nghề nghiệp	9			X	X	X	X		X	X	X	X	X	X
V. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP HOẶC CÁC HỌC PHẦN THAY THẾ																
<i>Sinh viên chỉ thực hiện khóa luận hoặc học phần thay thế</i>																
40	0101100102	Khóa luận tốt nghiệp	10	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
<i>Các học phần thay thế khóa luận</i>																
40a	0101124025	Đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội	10			X	X	X	X	X	X		X	X	X	X
40b	0101124026	Kỹ năng tìm việc và khởi nghiệp	10			X		X			X		X		X	
40c	0101124049	Thay đổi và phát triển doanh nghiệp	10			X			X		X	X			X	X
40d	0101100055	Phân tích hoạt động kinh doanh	10					X				X			X	X
VI. KIẾN THỨC KHÔNG TÍNH ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG																
41	0101060029	Giáo dục quốc phòng và An ninh*	4	X					X					X		
42	0101123628	Giáo dục thể chất*	3	X					X					X		
43	0101060025	Giáo dục thể chất 2*	8	X					X					X		
44	0101123664	Mos Word*	2	X						X				X		

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	HỌC KỲ BỐ TRÍ	SỰ ĐÓNG GÓP CỦA CÁC HỌC PHẦN VÀO VIỆC ĐẠT ĐƯỢC CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH												
				P L O 1	P L O 2	P L O 3	P L O 4	P L O 5	P L O 6	P L O 7	P L O 8	P L O 9	P L O 10	P L O 11	P L O 12	P L O 13
45	0101123665	Mos Excel*	3	X						X				X		
46	0101121911	Mos Powerpoint*	4	X						X				X		
47	0101124322	Kỹ năng nghiên cứu thị trường *	3			X	X			X	X	X	X	X	X	X
48	0101123671	Tiếng Anh CDR 1*	5	X						X				X		
49	0101123672	Tiếng Anh CDR 2*	6	X						X				X		
50	0101123673	Tiếng Anh CDR 3*	7	X						X				X		
51	0101123674	Tiếng Anh CDR 4*	8	X						X				X		

X. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
1	0101122791	Triết học Mác - Lênin	3	Học phần này cung cấp kiến thức chung nhằm trang bị thể giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng duy vật cho người học. Học phần giúp người học xác định đúng vai trò, vị trí của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội, nâng cao bản lĩnh chính trị, từng bước hình thành những giá trị văn hóa và nhân sinh quan tốt đẹp, củng cố lý tưởng, niềm tin vào con đường và sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước.
2	0101122792	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Học phần này trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi về quá trình sản xuất, trao đổi, tiêu dùng của cải vật chất qua các giai đoạn phát triển của lịch sử xã hội loài người. Thông qua đó, làm rõ bản chất của các quá trình và các hiện tượng kinh tế, tìm ra quy luật vận động của nền kinh tế - xã hội. Trên cơ sở đó hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong giai đoạn hiện nay.
3	0101060020	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác – Lênin, nghiên cứu những quy luật tất yếu của sự ra đời Hình thái kinh tế Cộng sản Chủ nghĩa, những vấn đề Chính trị - Xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng Xã hội Chủ nghĩa trên thế giới và trong đời sống hiện thực ở Việt Nam hiện nay.
4	0101060034	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Học phần bao gồm những nội dung cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, cung cấp các kiến thức cơ bản về: sự ra đời của Đảng, quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng qua các giai đoạn, thành công, hạn chế, bài học kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng. Học phần giúp người học

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN.
5	0101060016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Học phần cung cấp cho người học kiến thức cốt lõi về: sự hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Độc lập dân tộc và Chủ nghĩa xã hội: Đảng Cộng Sản và Nhà nước Việt Nam; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người và sự vận dụng của Đảng Cộng sản trong cách mạng Việt Nam. Học phần giúp người học nhận thức được vai trò, giá trị của Tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.
6	0101123622	Tiếng Anh giao tiếp	3	Học phần này cung cấp kiến thức ngôn ngữ, giúp người học hình thành và phát triển năng lực giao tiếp thông qua rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thuộc các chủ đề giao tiếp thường gặp hàng ngày. Học phần này cũng giúp người học sử dụng tiếng Anh thành thạo và lưu loát, hiệu quả hơn trong học thuật, đời sống và môi trường làm việc.
7	0101123675	Tiếng Anh thương mại A1	3	Học phần trang bị kiến thức từ vựng cho người học xoay quanh các chủ đề trong kinh doanh như quy cách đặt hàng và giao hàng, lịch sử hình thành và phát triển của một công ty, các chuyến đi công tác trong và ngoài nước...Các bài học tập trung trang bị các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh trong những tình huống kinh doanh thực tế như cách thức viết email hỏi hàng, đặt hàng và trao đổi về thông tin sản phẩm cũng như phép ứng xử, giao tiếp trong kinh doanh, từ đó giúp sinh viên ứng dụng và làm tốt công việc sau này..
8	0101123676	Tiếng Anh thương mại A2	3	Học phần giúp cho người học nâng cao vốn từ vựng và tình huống giao tiếp trong ngữ cảnh thương mại, xoay quanh các chủ đề

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				như vấn đề văn hoá trong kinh doanh, dịch vụ khách hàng, sản phẩm, đàm phán, cách thức tham dự các buổi triển lãm, hội chợ thương mại trong nước và quốc tế,... Học phần cũng tập trung trang bị các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh trong những tình huống kinh doanh thực tế cũng như phép ứng xử trong kinh doanh nhằm giúp người học làm quen và nắm bắt được các kiến thức về thương mại cũng như các kỹ năng cần thiết để có thể vận dụng làm tốt công việc sau này...
9	0101123677	Tiếng Anh thương mại A3	3	Học phần này giúp người học xây dựng vốn từ vựng, ngữ pháp, phát triển kỹ năng giao tiếp về các chủ đề liên quan tới kinh doanh, thương mại, doanh nghiệp, thị trường như kỹ năng làm việc nhóm trong công ty, nghiên cứu và đề ra chiến lược phát triển sản phẩm, mở rộng thị trường kinh doanh.... Học phần cũng giúp người học trải nghiệm thực tế, vận dụng kiến thức được trang bị để giao tiếp, đàm phán, ứng xử, giải quyết các tình huống trong kinh doanh thông qua các bài học về hội thảo doanh nghiệp.
10	0101124301	Tiếng Anh văn phòng	3	Học phần chú trọng vào phát triển kỹ năng nghe và nói trong giao tiếp và thực hành tiếng Anh thông qua việc xây dựng vốn từ vựng và ngữ pháp căn bản về các chủ đề liên quan tới môi trường công sở như gặp gỡ khách hàng và ghi nhận thông tin khách hàng, soạn thảo email công việc, trao đổi công việc qua điện thoại. Học phần giúp người học có cơ hội thực hành kiến thức trước khi bước vào môi trường thực tế thông qua các bài học tạo môi trường giả lập văn phòng để cho người học được trải nghiệm thực tế.
11	0101123627	Văn hóa sinh viên BVU	3	Học phần giới thiệu đến sinh viên văn hóa, lịch sử hình thành, phát triển BVU và tỉnh

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				Bà Rịa Vũng Tàu, từ đó giúp sinh viên hiểu và tự hào về ngôi trường đang học tập cũng như nơi mình đang sinh sống. Ngoài ra học phần còn giúp sinh viên trang bị những kiến thức, kỹ năng để hội nhập, trải nghiệm và phát triển trong môi trường đại học tại BVU cũng như tại tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
12	0101124317	Kỹ năng kinh doanh	3	Học phần Kỹ năng kinh doanh sẽ cung cấp những kiến kỹ năng xử lý các vấn đề phát sinh liên quan hoạt động hằng ngày của doanh nghiệp như: (1) Với doanh nghiệp: sử dụng thời gian một cách khoa học, hợp lý và giúp nâng cao năng suất làm việc. (2) Kỹ năng kinh doanh cần có của người quản lý: phát huy được sự nổi trội của các cá nhân, sự tận tâm của các nhóm và tận dụng được những kỹ năng chuyên môn quan trọng của từng thành viên. (3) Kỹ năng kinh doanh cần có của nhân viên: tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm quý báu khi làm việc nhóm, giúp nhân viên cảm nhận được giá trị quan trọng của bản thân.
13	0101124319	Quản trị học	2	Môn Quản trị học là môn học nền tảng của ngành Quản trị kinh doanh, sẽ được học đầu tiên trong chương trình, giúp sinh viên có các kiến thức cốt lõi về quản trị. Trên cơ sở nền tảng của quản trị học, sinh viên sẽ học các môn học như: Quản trị nhân lực, Quản trị marketing, Quản trị dự án, Quản trị chiến lược, và rất nhiều các môn học ngành và chuyên ngành khác.
14	0101123710	Pháp luật hợp đồng	3	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng như: Khái niệm, đặc điểm các loại nghĩa vụ dân sự, căn cứ phát sinh, chấm dứt nghĩa vụ dân sự, thực hiện nghĩa vụ dân sự, trách nhiệm dân sự và chuyển giao nghĩa vụ dân sự; các quy định chung về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự; hình thức, nội dung của hợp đồng dân

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				sự, giao kết hợp đồng dân sự, thực hiện, sửa đổi và chấm dứt hợp đồng dân sự; nguyên tắc bồi thường của trách nhiệm bồi thường thiệt hại, cách xác định thiệt hại và bồi thường thiệt hại trong một số trường hợp cụ thể.
15	0101123608	Nhập môn ngành quản trị kinh doanh	3	Nội dung môn học giới thiệu về cơ bản trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như sản xuất, tài chính, nhân sự, marketing, làm tiền đề cơ sở cho các môn học chuyên sâu. Hiểu các kiến thức và kỹ năng cần thiết để học tập và làm việc. Môn học còn giới thiệu về chương trình đào tạo ngành quản trị kinh doanh bậc đại học và chuẩn đầu ra của chương trình.
16	0101100031	Kinh tế học	3	Học phần Kinh tế học bao gồm 2 phần là kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô. Nội dung kinh tế học vi mô giới thiệu cung, cầu và giá cả thị trường. Ngoài ra, khái niệm thặng dư sản xuất, thặng dư tiêu dùng và các chính sách của chính phủ như thuế, trợ cấp, giá tối đa, tối thiểu cũng được giới thiệu và phân tích tác động của nó; nghiên cứu về lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng và từ những nguyên tắc cơ bản trong việc tối ưu hoá hành vi của người tiêu dùng sẽ xây dựng dạng thức của đường cầu thị trường; nghiên cứu về hành vi của doanh nghiệp theo một trình tự logic từ lý thuyết sản xuất đến lý thuyết chi phí và nguyên tắc tối đa hoá lợi nhuận, tối thiểu hoá lỗ; các mô hình về thị trường độc quyền để hoàn chỉnh việc nghiên cứu các cấu trúc thị trường sản phẩm. Nội dung kinh tế học vĩ mô cung cấp cho sinh viên có thể hiểu được ý nghĩa các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô như: GDP, GNP, CPI, tốc độ tăng trưởng kinh tế, tỷ lệ lạm phát...; nghiên cứu các công cụ của chính sách tài khoá như: thuế, chi ngân sách của chính

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				phủ; các công cụ chính sách tiền tệ như: lãi suất chiết khấu, lượng cung tiền, tỷ lệ dự trữ bắt buộc, chính sách mua bán chứng khoán, cách thức hình thành lãi suất trên thị trường tiền tệ; Ngoài ra, sinh viên còn có thể phân biệt được sự khác nhau giữa các khái niệm mất giá - lên giá, nâng giá - phá giá của một đồng tiền và giải thích được sự hình thành tỷ giá hối đoái trên thị trường ngoại tệ và cách mà chính phủ có thể can thiệp vào thị trường ngoại tệ trong từng cơ chế tỷ giá hối đoái; sinh viên cũng được cung cấp các khái niệm lạm phát, thất nghiệp và mối quan hệ của nó trong ngắn hạn và dài hạn.
17	0101100129	Marketing dịch vụ	3	Học phần marketing dịch vụ giới thiệu và giúp sinh viên biết được những vấn đề liên quan đến marketing dịch vụ, so sánh sự khác nhau và giống nhau giữa marketing dịch vụ và marketing sản phẩm hữu hình. Học phần marketing dịch vụ trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về chất lượng dịch vụ, marketing dịch vụ là gì, nhận biết các yếu tố tác động đến chất lượng dịch vụ, phương pháp đo lường chất lượng dịch vụ của một doanh nghiệp, vì các doanh nghiệp ngày nay đòi hỏi phải chú trọng đến khả năng làm hài lòng khách hàng, chất lượng dịch vụ, dịch vụ khách hàng. Các chiến lược Marketing Mix trong kinh doanh dịch vụ bao gồm các quyết định về sản phẩm dịch vụ, giá cả, phân phối và thời gian, thiết kế và quản trị quy trình dịch vụ, quyết định truyền thông dịch vụ, môi trường dịch vụ, yếu tố con người.
18	0101121003	Nghiệp vụ xuất nhập khẩu và thanh toán quốc tế	3	Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức về các điều kiện thương mại quốc tế (Incoterms), thực tế áp dụng trong điều kiện Việt Nam; hoạt động xuất nhập khẩu. Học phần mang lại cho sinh viên

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				những kiến thức căn bản về hoạt động kinh doanh ngoại thương, một số phương thức thanh toán quốc tế phổ biến, hoạt động vận tải ngoại thương, hoạt động bảo hiểm hàng hoá xuất nhập khẩu, các quy tắc và thông lệ quốc tế về hoạt động ngoại thương. Thanh toán quốc tế cung cấp kiến thức và kỹ năng thực hiện nghiệp vụ thanh toán quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng và lĩnh vực xuất nhập khẩu. Môn học trang bị các kiến thức về thanh toán quốc tế (như hợp đồng ngoại thương, điều kiện thương mại quốc tế, chứng từ sử dụng thanh toán quốc tế); cách phát hành, lưu thông các phương tiện thanh toán và cách thực hiện các phương thức thanh toán quốc tế.
19	0101100050	Nguyên lý kế toán	3	Học phần này giới thiệu một số vấn đề về kế toán như: những kiến thức cơ bản về khái niệm, đối tượng, nguyên tắc, nhiệm vụ, chức năng, các phương pháp kế toán, lập báo cáo tài chính, ghi sổ kép, tài khoản kế toán, chứng từ và kiểm kê, sổ kế toán và các hình thức sổ kế toán và việc vận dụng các phương pháp kế toán vào ghi chép một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu trong quá trình hoạt động thể cụ thể của một đơn vị hoạt động sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế.
20	0101124320	Quản trị doanh nghiệp	2	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quát về quản trị các hoạt động trong các tổ chức và doanh nghiệp như marketing, tài chính, nhân sự, sản xuất,...; Có kỹ năng hoạch định, xây dựng, tổ chức và ra quyết định, lãnh đạo... trong các tổ chức, doanh nghiệp. Người học có khả năng làm việc nhóm, thông qua các hoạt động tìm hiểu thực tiễn, tiểu luận và thảo luận nhóm; Có khả năng định hướng tốt ngành nghề, chuyên môn quản trị trong các tổ chức, doanh nghiệp

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
21	0101124318	Thống kê doanh nghiệp	3	Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của thống kê doanh nghiệp; Thống kê kết quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp; Thống kê lao động, năng suất lao động và tiền lương trong doanh nghiệp; Thống kê Tài sản cố định trong doanh nghiệp; Thống kê nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.
22	0101100082	Tài chính doanh nghiệp	3	Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính doanh nghiệp như đi từ khái niệm, bản chất, chức năng, vai trò của tài chính doanh nghiệp. Quản lý kế hoạch thu chi trong doanh nghiệp, phân tích báo cáo tài chính, xác định nguồn vốn và chi phí sử dụng vốn, hệ thống đòn bẩy trong doanh nghiệp, quản trị tiền mặt, các khoản phải thu và hàng tồn kho, đầu tư tài sản dài hạn.
23	0101100039	Luật Kinh tế	3	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về các chủ thể kinh doanh trong nền kinh tế Việt Nam hiện nay như: các mô hình doanh nghiệp (Công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân), hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã
24	0101124182	Thương mại điện tử	2	Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về thương mại điện tử và các hình thức kinh doanh trên mạng Internet. Qua môn học này, sinh viên có kiến thức cơ bản về thương mại trên các phương tiện điện tử. Xác định được và biết cách tiếp cận với các đối tượng trên Internet. Ngoài ra, sinh viên cũng được cung cấp quy trình xây dựng website, các phương thức thanh toán trực tuyến và các hình thức quảng cáo trực tuyến

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
25	0101124033	Quản trị hành chính văn phòng	2	Học phần này giúp người học hiểu rõ về công tác hành chính văn phòng, trang bị các kiến thức về nghiệp vụ hành chính văn phòng; hiểu rõ quá trình quản trị hành chính văn phòng; hình thành kỹ năng phân tích, xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát các công việc hành chính văn phòng. Tìm hiểu kiến thức và kỹ năng cần thiết để có thể đảm nhận tốt công tác quản trị hành chính văn phòng trong các doanh nghiệp; giúp sinh viên biết cách điều hành văn phòng, quản trị cơ sở vật chất văn phòng, cũng như quản trị thông tin và nhân sự trong văn phòng
26	0101122830	Quản trị chiến lược	3	Học phần Quản trị chiến lược nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp như: những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược; Các giai đoạn phát triển của quản trị chiến lược; Mô hình quản trị chiến lược của doanh nghiệp có sứ mạng, mục tiêu dài hạn và các chiến lược kinh doanh cấp công ty, quốc tế..
27	0101100075	Quản trị tài chính	3	Học phần Quản trị tài chính bao gồm các vấn đề lý luận liên quan đến hoạt động quản trị tài chính trong doanh nghiệp. Nội dung cơ bản của học phần này là nghiên cứu sâu vào cách hoạch định và sử dụng vốn trong doanh nghiệp.
28	0101100076	Quản trị thương hiệu	3	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về việc xây dựng một thương hiệu, hoạch định chiến lược phát triển thương hiệu, quản trị thương hiệu. Thực hiện hoạt động quản trị thương hiệu từ công tác xây dựng thương hiệu, đăng ký bảo hộ, các chiến lược phát triển và khai thác thương hiệu.

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
29	0101100070	Quản trị nguồn nhân lực	3	Học phần Quản trị nguồn nhân lực nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản và các công cụ cần thiết về quản lý con người trong một tổ chức. Mục tiêu chính của học phần là chỉ ra cách mỗi người quản lý giải quyết vấn đề nhân sự và dự đoán tương lai; Áp dụng các phương pháp quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức.
30	0101124034	Quản trị và nghiệp vụ bán hàng	3	Học phần Quản trị bán hàng nhằm cung cấp cho sinh viên có các kiến thức cốt lõi về quản trị bán hàng. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về công tác bán hàng, cách thức tổ chức và quản lý bán hàng tại doanh nghiệp. Nội dung chi tiết bao gồm: Tổng quan về bán hàng và quản trị bán hàng; Xây dựng kế hoạch bán hàng; Kỹ thuật bán hàng và chăm sóc khách hàng; Thiết kế và tổ chức lực lượng bán hàng trong doanh nghiệp; Quản trị đội ngũ bán hàng và phân tích đánh giá kết quả bán hàng.
31	0101100074	Quản trị sản xuất	3	Học phần này sẽ cung cấp một số kiến thức để sinh viên nắm vững những vấn đề cơ bản và những tình huống cụ thể phải giải quyết trong quá trình quản trị sản xuất. Các doanh nghiệp cũng cần phải dự báo, tính toán lựa chọn địa điểm, bố trí mặt bằng, mua sắm vật tư, kiểm tra kiểm soát tồn kho, lập lịch tiến độ sản xuất, ... bất kể doanh nghiệp sản xuất ra những sản phẩm đơn giản hay phức tạp
32	0101124035	Tiếng Anh ngành Quản trị kinh doanh	3	Học phần này phản ánh những xu thế mới trong quản trị kinh doanh. Mỗi một bài học đều chứa đựng thông tin và ngôn ngữ theo các chủ đề: quản trị học, quản trị nhân sự, quản trị marketing, quản trị tài chính, sự hài lòng khách hàng, phỏng vấn xin việc. Chú trọng vào xây dựng vốn từ vựng, ngữ pháp, phát triển kỹ năng giao tiếp về các chủ đề liên quan tới kinh doanh, thương mại,

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				doanh nghiệp, quản trị, thị trường và công việc thường ngày trong doanh nghiệp. Đi kèm với các kiến thức chuyên ngành là từ vựng và ngữ pháp trọng tâm, bài tập nhóm với các tình huống cụ thể giúp sinh viên tiếp cận kịp thời kiến thức tiếng anh chuyên ngành quản trị kinh doanh cơ bản đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp.
33	0101100058	Quản trị chất lượng	3	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về quản trị chất lượng và vai trò của nó đối với sự phát triển bền vững của các tổ chức. Học viên có cơ hội tiếp cận các cách thức quản trị chất lượng hiệu quả tại các doanh nghiệp Việt Nam và các quốc gia khác trên thế giới. Nội dung học phần này sẽ cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị chất lượng như: Chất lượng sản phẩm; Quá trình phát triển của quản trị chất lượng, chi phí chất lượng; Mối quan hệ giữa chất lượng với năng suất và sức cạnh tranh; Các hệ thống quản lý chất lượng; hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế; kiểm tra và đánh giá chất lượng; các phương pháp và công cụ thống kê sử dụng trong quản trị chất lượng; phương pháp quản lý chất lượng toàn diện – TQM; Quản lý chất lượng trong một số loại hình doanh nghiệp; Quản lý nhà nước về chất lượng.
34	0101124321	Phát triển kỹ năng quản trị	3	Học phần này hướng đến sự thay đổi chính bản thân người học; giúp cho người học khả năng nhận diện bản thân – điểm mạnh, yếu, sở trường của mình; khả năng quan hệ với người khác – kỹ năng giao tiếp, tạo dựng quyền lực của bản thân, gây ảnh hưởng đến mọi người khác và kỹ năng quản trị xung đột với các cá nhân dựa trên nền tảng kiểm soát cảm xúc bản thân hữu hiệu và hướng đến làm việc nhóm hiệu quả. Vì vậy, học phần mang đến cho sinh viên –

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				các nhà quản trị tương lai một kỹ năng quản trị cá nhân, quản trị các mối quan hệ với con người và hướng đến giải quyết vấn đề quản trị một cách đầy sáng tạo.
35	0101123833	Kế toán quản trị	3	Học phần giúp người học trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về chi phí, phân loại chi phí, qui trình kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo mô hình kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành theo chi phí thực tế, quy trình thu thập, xử lý, tính giá thành sản phẩm và lập báo cáo chi phí ở một doanh nghiệp. Qua đó, giúp sinh viên có khả năng tổ chức công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại một doanh nghiệp cụ thể.
36	0101124196	Quản trị hậu cần và chuỗi cung ứng	4	Học phần Quản trị hậu cần và chuỗi cung ứng nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị hậu cần và chuỗi cung ứng, bao gồm các khái niệm, định nghĩa, giá trị, mục đích phương pháp, và các kỹ thuật quản trị hậu cần cũng như xây dựng hệ thống quản trị chuỗi cung ứng để người học có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu. Có khả năng nắm được những hoạt động hậu cần bên trong doanh nghiệp. Hiểu được cách doanh nghiệp áp dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hậu cần, quản trị tồn kho, điều phối vận tải và áp dụng các chiến lược hậu cần nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.
37	0101124037	Quản trị rủi ro	3	Học phần Quản trị rủi ro là một hoạt động cần thiết không chỉ cho giới kinh doanh mà cho cả các lãnh vực đời sống bình thường. Quản trị rủi ro hiệu quả sẽ giúp các doanh nghiệp giữ các hoạt động ổn định, chủ động hơn và tránh được nhiều thiệt hại nhờ đã dự kiến trước. Môn học này trình bày chi tiết các bước trong

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				quy trình quản trị rủi ro: từ nhận dạng, đo lường, đến kiểm soát và tài trợ nếu thiệt hại xảy ra. Các kỹ thuật phân tích định tính và định lượng cũng được giới thiệu để đánh giá và xếp hạng rủi ro. Một số rủi ro đặc thù như rủi ro hoạt động, rủi ro tài chính, rủi ro trong thẩm định và quản trị dự án, rủi ro tỉ giá, rủi ro trong đầu tư...được giới thiệu trong môn học để giúp người học có thêm hiểu biết và kinh nghiệm cụ thể về quản trị rủi ro cho các đối tượng này.
38	0101124038	Quan hệ và chăm sóc khách hàng	3	Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về vai trò và tầm quan trọng của quản trị quan hệ khách hàng, chiến lược quan hệ khách hàng, quản trị cơ sở dữ liệu khách hàng, quản trị xung đột và duy trì sự hài lòng của khách hàng. Môn học cũng cung cấp kiến thức về kiểm tra đánh giá và điều chỉnh hoạt động quản trị quan hệ khách hàng.
39	0101124039	Quản trị dự án	4	Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về quản trị dự án, từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc dự án. Đó là sự tích hợp các khối kiến thức quản trị thông qua các khái niệm, các khuôn khổ phân tích, các tiến trình và công cụ quản lý dự án cơ bản để giải quyết bài toán triển khai dự án nhằm tạo ra và chuyển giao các kết xuất cụ thể đáp ứng các yêu cầu về phạm vi, chất lượng, thời gian và ngân sách nhất định.
40	0101122664	Luật lao động	3	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức từ cơ bản đến chuyên sâu về những vấn đề như: Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật lao động; Nội dung của quan hệ lao động; Các vấn đề về việc làm và học nghề; Các quy định và yêu cầu liên quan đến vấn đề tuyển dụng lao động và giao kết hợp đồng; Các quy

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				định và nội dung về bảo hiểm xã hội; Các vấn đề cơ bản về bồi thường thiệt hại vật chất trong quan hệ lao động.
41	0101124197	Quản trị nhân lực quốc tế	4	Quản trị nhân lực quốc tế giới thiệu nhưng điểm khác biệt của quản trị nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hoá, khi các tổ chức mở rộng hoạt động kinh doanh ra nước ngoài và tiếp nhận người lao động từ khắp các nước trên thế giới. Mô hình kinh doanh quốc tế và đa văn hoá có ảnh hưởng mạnh mẽ đến cách thức tuyển dụng, đào tạo, quản trị hiệu quả công việc, mức chi phí tiền lương trả cho đội ngũ lao động. Nội dung môn học có liên quan chặt chẽ đến quản trị nguồn lực, hành vi và văn hoá doanh nghiệp
42	0101122916	Ứng dụng thiết kế web	3	Học phần này giới thiệu kiến thức cơ bản về các ứng dụng trong thiết kế website: khái niệm, mục tiêu, chiến lược, công cụ sử dụng. Các kỹ thuật ứng dụng công nghệ thông tin trong thiết kế web, đăng ký và quản lý các website, ...
43	0101122930	Tin, viết tin và kỹ năng khai thác thông tin trên Internet	3	Học phần này cung cấp những thông tin cơ bản về cách viết bài, kỹ năng của người viết tin, cách thu thập và phân loại thông tin, cách xử lý thông tin để viết tin. Ngoài ra học phần còn trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về internet, cấu trúc và cách thức sử dụng internet để tìm kiếm thông tin, khai thác và thẩm định thông tin từ các trang nguồn trên mạng. Học phần còn rèn luyện kỹ năng xác định mục tiêu, ý tưởng, lựa chọn kênh truyền thông và phương tiện hoạt động đăng bản tin.
44	0101124042	Quản trị rủi ro và xử lý khủng hoảng truyền thông	4	Học phần này sẽ giới thiệu lý thuyết quản trị rủi ro, truyền thông khủng hoảng, phương pháp quản lý khủng hoảng, các trường hợp kinh điển và ảnh hưởng của văn hóa đối với truyền thông khủng hoảng.

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				Học phần cũng trình bày các định nghĩa về khủng hoảng và cách chúng xảy ra, tầm quan trọng của khung quản lý rủi ro doanh nghiệp trong việc phòng ngừa và chuẩn bị cho khủng hoảng cũng như cách chúng ta có thể nhận biết và giải quyết khủng hoảng trong trường hợp chúng xảy ra. Học phần này tập trung vào vai trò của truyền thông trong suốt quá trình quản lý khủng hoảng, cũng như cách sử dụng quan hệ truyền thông và mạng xã hội để ngăn chặn và/hoặc ứng phó với khủng hoảng.
45	0101123247	Thị trường bất động sản	3	Học phần này giúp người học nắm được những kiến thức cơ bản về thị trường bất động sản như bản chất của thị trường bất động sản, cung cầu bất động sản, mối quan hệ cung cầu và giá cả thị trường, quản lý nhà nước và chính sách pháp luật với thị trường bất động sản. Học phần còn trang bị kiến thức cho người học có thể tiếp cận những học phần chuyên sâu như kinh doanh bất động sản, kinh tế bất động sản, đầu tư bất động sản, định giá bất động sản và người học sẽ có cái nhìn đa chiều, khách quan và chính xác về lĩnh vực đầu tư bất động sản.
46	0101123468	Nghiệp vụ và quản lý tài sản bất động sản	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức: Điều tiết thị trường bất động sản hỗ trợ nhà nước khi đưa ra các chính sách mới, quy định pháp luật; hỗ trợ nhà nước hạn chế việc thất thu thuế từ quá trình chuyển nhượng hoặc buôn bán ngầm ở bên ngoài; giảm thiểu số lượng bất động sản cũng như tồn suất mà bất động sản tham gia giao dịch để bình ổn giá; Ngăn chặn tình trạng giá bất động sản leo thang vượt mức để trục lợi; giảm số lượng người tham gia đầu tư nhằm mục đích kiếm lời khiến cho thị trường bất động sản tạo ra những cơn sốt bất ổn; Tăng tính minh bạch trong giao

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				dịch và đem đến lợi ích cho phát triển kinh tế xã hội; Hưởng tiền dịch vụ từ khách hàng có giao dịch bất động sản tại sàn giao dịch; Trường hợp khách hàng gây ra lỗi theo đúng quy định có thể yêu cầu bồi thường thiệt hại.
47	0101124045	Môi giới bất động sản	4	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức: Giới thiệu về dịch vụ môi giới bất động sản; Vai trò của môi giới bất động sản trong thị trường bất động sản; Nguyên tắc hoạt động môi giới bất động sản; Điều kiện kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản và yêu cầu chuyên môn của nhà môi giới bất động sản; Những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển nghề môi giới bất động sản; Kinh nghiệm của các nước về dịch vụ môi giới bất động sản; Đạo đức nghề nghiệp của nhà môi giới bất động sản.
48	0101124450	Thực tập tốt nghiệp	4	Học phần này giúp đánh giá kết quả hoạt động học tập trong thực tiễn của sinh viên dựa trên một số tiêu chí chính yếu như: mức độ nắm bắt thực tế thông qua khả năng nhận dạng được vấn đề tại đơn vị thực tập; mức độ vững chắc về lý thuyết; khả năng áp dụng lý thuyết vào thực tiễn để phân tích và giải quyết vấn đề một cách có hệ thống; thái độ làm việc và học tập. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức quản trị, kế toán, tài chính, marketing, quản trị sản xuất, quản trị chiến lược, quản trị bán hàng, phân tích kinh doanh,... học phần sẽ giúp phát triển kiến thức thực tế về công tác quản trị doanh nghiệp và các kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên.
49	0101124457	Văn hóa doanh nghiệp	3	Học phần Văn hóa doanh nghiệp cung cấp những kiến thức cơ bản về văn hoá, văn hoá kinh doanh Việt Nam và việc vận dụng những kiến thức đó trong xây dựng và phát triển văn hoá doanh nghiệp. Vai trò của văn hóa trong hoạt động doanh nghiệp, các yếu

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				tổ cấu thành văn hoá doanh nghiệp, quan niệm xây dựng văn hoá doanh nghiệp và nội dung xây dựng văn hoá doanh nghiệp mà cốt lõi là triết lý và đạo đức kinh doanh. Giới thiệu một số mô hình văn hoá cũng như văn hóa ứng xử trong các tình huống kinh doanh.
50	0101124434	Thực hành kỹ năng nghề nghiệp	3	Học phần này sinh viên được trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp, được áp dụng các kiến thức đã học vào thực tế và tích lũy thêm kinh nghiệm với các công việc chuyên ngành để có thể làm việc tốt hơn sau khi ra trường.
51	0101100102	Khóa luận tốt nghiệp	8	Học phần được thiết kế riêng với mục đích giúp cho sinh viên hoàn thiện dự án chuyên ngành điển hình phù hợp với trình độ của từng sinh viên. Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng tự nghiên cứu và xây dựng được các ứng dụng chuyên ngành bằng những kiến thức đã học kết hợp với kiến thức thực tế tích lũy được trong quá trình thực hành, thực tập.
51 A	0101124025	Đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội	2	Học phần này được dùng để giúp cho sinh viên tiếp cận với phương pháp làm việc chuyên nghiệp trong lĩnh vực kinh tế. Sinh viên sau khi học môn học này sẽ có nhận thức và hiểu biết về đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm của mình trong quá trình thực thi công tác chuyên môn. Hệ thống hóa và cập nhật lý thuyết môn Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong bối cảnh nền kinh tế hội nhập toàn cầu.
51 B	0101124026	Kỹ năng tìm việc và khởi nghiệp	2	Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về quá trình khởi tạo doanh nghiệp mới trong nền kinh tế thị trường. Học phần trình bày những nội dung cốt lõi như: Tổng quan về khởi nghiệp, quá trình sáng tạo và phát sinh ý tưởng kinh doanh, đánh giá cơ hội của đề án kinh doanh trên thị trường, vấn đề pháp luật trong khởi nghiệp, kế hoạch khởi

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				ng nghiệp và chiến lược phát triển của doanh nghiệp trong giai đoạn đầu của quá trình hình thành và phát triển.
51 C	0101124049	Thay đổi và phát triển doanh nghiệp	2	Học phần này trang bị cho người học nhưng kiến thức cơ bản về thay đổi và phát triển doanh nghiệp, sự cần thiết phải quản trị sự thay đổi trong doanh nghiệp. Sinh viên nắm được các bước tiến hành sự thay đổi doanh nghiệp, tái lập- con đường thay đổi để phát triển các doanh nghiệp, tạo ra sự thay đổi để phát triển. Ngoài ra học phần còn trang bị cho người học các kỹ năng chủ yếu về thay đổi – quản trị sự thay đổi phát triển doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh biến động.
51 D	0101100055	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	Học phần cung cấp những tiêu thức khác nhau để phân biệt các chỉ tiêu và nhân tố phân tích. Từ đó giúp sinh viên nắm được sự khác nhau giữa thay đổi về quy mô hay thay đổi về hiệu quả kinh doanh, cũng như nắm được những sự thay đổi đó là do chủ quan hay khách quan – điều rất cần thiết trong đánh giá nỗ lực của các bộ phận chức năng. Bên cạnh đó, học phần cũng giới thiệu các phương pháp phân tích cơ bản thường được sử dụng trong phân tích để sinh viên vận dụng phân tích các nội dung chi tiết liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Những đối tượng phân tích có thể là: các kết quả kinh doanh như: chi phí, tình hình sản xuất, tiêu thụ, hoặc lợi nhuận đạt được; các nguồn lực của doanh nghiệp như: tài lực, vật lực, nhân lực...
52	0101060029	Giáo dục quốc phòng và an ninh*	8*	<i>Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản như sau:</i> <i>1. Học phần 1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam</i>

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				2. Học phần 2: Công tác quốc phòng và an ninh 3. Học phần 3: Quân sự chung 4. Học phần 4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật + Sinh viên sau khi học xong chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh có hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nên quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội. + Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. + Thành thạo điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết đội ngũ đơn vị; có hiểu biết chung về các quân binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam; có hiểu biết ban đầu về bản đồ quân sự; + Biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, biết sử dụng súng tiểu liên AK, lựu đạn..
53	0101123628	Giáo dục thể chất*	2*	Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Hiểu biết về tầm quan trọng của võ (Vovinam) đối với sức khỏe con người; kiến thức cơ bản về phòng tránh, xử lý những phản ứng sinh lý xấu khi tập luyện võ (Vovinam). Khi tập luyện võ (Vovinam) giúp tăng cường sức khỏe; tăng cường sức chịu đựng; cải thiện sức khỏe tinh thần; tăng tính kỷ luật...
54	0101060025	Giáo dục thể chất 2*	1*	Học phần là môn thể thao nghệ thuật hấp dẫn có nhiều lợi ích đối với sức khỏe và tinh thần. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Hiểu biết về tầm quan trọng

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				<i>của nhảy dân vũ đối với sức khỏe con người. Nhảy dân vũ là hoạt động lành mạnh, không chỉ giúp rèn luyện sức khỏe, mà còn tăng cường mối quan hệ đoàn kết, gắn bó, làm phong phú đời sống văn hoá tinh thần.</i>
55	0101123664	Mos Word*	2*	<i>Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức từ cơ bản như: thiết lập chung, định dạng kí tự, định dạng trang văn bản, tùy biến định dạng, chèn các đối tượng đến các chức năng nâng cao như: điều khiển luồng văn bản, liên kết, mục lục, trộn thư,... nhằm giúp sinh viên vận dụng các công cụ của phiên bản Microsoft Office Word một cách hiệu quả, giúp tiết kiệm nhiều thời gian cho việc xử lý văn bản ngắn cũng như văn bản dài nhiều trang, báo cáo tiểu luận, luận văn,....</i>
56	0101123665	Mos Excel*	2*	<i>Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về soạn thảo, định dạng và in ấn bảng tính trên phần mềm Microsoft Office Excel, hiểu và vận dụng được công thức, các hàm có sẵn vào công việc tính toán, thống kê, sử dụng các chức năng tìm kiếm, trích lọc dữ liệu, trình bày dữ liệu trực quan giúp việc tính toán và xử lý dữ liệu trở nên đơn giản, nhanh chóng và hiệu quả. Ngoài ra, sau khi hoàn thành đầy đủ nội dung học phần, sinh viên sẽ có đầy đủ kiến thức, kỹ năng để tham gia kỳ thi lấy chứng chỉ quốc tế Microsoft Office Specialist (MOS).</i>
57	0101121911	Mos Powerpoint*	2*	<i>Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản từ thiết lập chung trong MS Powerpoint, soạn thảo, định dạng nội dung cho trang chiếu (slide), chèn và tùy chỉnh các đối tượng đồ họa, đa phương tiện, thiết lập hiệu ứng cho slide và các đối tượng trên slide đến các thiết lập tùy chỉnh trình chiếu để xây dựng bài</i>

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				<i>thuyết trình lời cuốn, ấn tượng nhanh chóng và hiệu quả.</i>
58	0101124322	<i>Kỹ năng nghiên cứu thị trường *</i>	3*	<i>Học phần sẽ cung cấp những kiến thức kiến thức, kỹ năng, thông lệ thực tiễn, và những công cụ thông minh có tính ứng dụng cao trong nghiên cứu thị trường hiện đại. Sau khóa học, học viên sẽ có hiểu biết sâu và vận dụng được các kỹ năng nghiên cứu và phân tích thị trường, khảo sát và phân tích thị hiếu khách hàng, cụ thể như sau: Nắm bắt được khung lý thuyết về hành vi người tiêu dùng đối với các sản phẩm của doanh nghiệp; Kỹ năng thiết kế dự án nghiên cứu thị trường định tính và định lượng; Kỹ năng xây dựng bảng hỏi nghiên cứu thị trường và hành vi khách hàng; Kỹ năng triển khai hoạt động thu thập thông tin – bằng bảng hỏi, Kỹ năng sử dụng phần mềm SPSS để phân tích dữ liệu định lượng; Kỹ năng giải thích dữ liệu, soạn thuyết trình báo cáo kết quả nghiên cứu thị trường; Nắm được khung lý luận và nguyên tắc triển khai hoạt động nghiên cứu hành vi người tiêu dùng, nghiên cứu thị trường trong kỷ nguyên mạng xã hội, trí tuệ nhân tạo 4.0; Kỹ năng triển khai nghiên cứu thị trường, nghiên cứu hành vi người tiêu dùng online.</i>
59	0101123671	<i>Tiếng Anh CĐR 1*</i>	3*	<i>Học phần Tiếng Anh CĐR 1* sử dụng giáo trình Frances Eales – Steve Oakes (2016), Speakout-Elementary A2 (Units 1-6), Pearson Education với 6 đơn vị bài, mỗi đơn vị bài bao gồm 4 bài học, chú trọng vào tất cả kỹ năng như xây dựng vốn từ vựng, ngữ pháp theo hướng giao tiếp, nghe, nói trong giao tiếp hàng ngày; trong đó nhấn mạnh vào kỹ năng nghe hiểu qua các DVD trên kênh BBC dựa trên các chủ đề</i>

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				<i>liên quan tới ngành nghề, lối sống, con người, thực phẩm ...</i>
60	0101123672	Tiếng Anh CDR 2*	3*	<i>Học phần Tiếng Anh CDR 2* sử dụng giáo trình Frances Eales – Steve Oakes (2016), Speakout-Elementary A2 (Units 7-12), Pearson Education với 6 đơn vị bài, mỗi đơn vị bài bao gồm 4 bài học, chú trọng vào tất cả kỹ năng như xây dựng vốn từ vựng, ngữ pháp theo hướng giao tiếp, nghe, nói trong giao tiếp hàng ngày về các chủ đề liên quan tới ngày lễ, giao thông, sức khỏe, trải nghiệm...</i>
61	0101123673	Tiếng Anh CDR 3*	3*	<i>Học phần Tiếng Anh CDR 3* sử dụng giáo trình Speakout ấn bản lần thứ hai, cấp độ tiền trung cấp với 6 đơn vị bài học (từ bài 1 đến bài 6), mỗi đơn vị bài được chia thành 4 bài học nhỏ và 1 bài ôn lại kiến thức. Học phần chú trọng vào tất cả kỹ năng bao gồm nghe, nói, đọc và viết. Đặc biệt các kỹ năng này được xây dựng dựa trên nền tảng từ vựng và ngữ pháp được cung cấp trước cho sinh viên, trong đó nhấn mạnh vào kỹ năng nghe hiểu qua các DVD trên kênh BBC và kỹ năng nói dựa trên các chủ đề như cuộc sống, công việc, thư giãn, du lịch và giữ gìn sức khỏe.</i>
62	0101123674	Tiếng Anh CDR 4*	3*	<i>Học phần Tiếng Anh CDR 4* sử dụng giáo trình Speakout ấn bản lần thứ hai, cấp độ tiền trung cấp với 6 đơn vị bài học (từ bài 7 đến bài 12), mỗi đơn vị bài được chia thành 4 bài học nhỏ và 1 bài ôn lại kiến thức. Học phần chú trọng vào tất cả kỹ năng bao gồm nghe, nói, đọc và viết. Đặc biệt các kỹ năng này được xây dựng dựa trên nền tảng từ vựng và ngữ pháp được cung cấp trước cho sinh viên, trong đó nhấn mạnh vào kỹ năng nghe hiểu qua các DVD trên kênh BBC và kỹ năng nói dựa trên các chủ đề như những thay đổi trong</i>

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				<i>cuộc sống, tiền bạc, thế giới tự nhiên, xã hội, công nghệ, và sự nổi tiếng.</i>

XI. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

1. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy vai trò chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả chương trình đào tạo.

Phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong Đề cương chi tiết học phần đảm bảo đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của mỗi học phần và của cả chương trình đào tạo.

2. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra mỗi học phần, mỗi thành phần và chương trình đào tạo.

Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiến bộ của người học, cải tiến chương trình đào tạo.

Hình thức đánh giá kết quả học tập được quy định cụ thể trong Đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo hiện hành, đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Chương trình sử dụng thang điểm 10 để đánh giá học phần, quy tương đương sang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu.

3. Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ

Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ của chương trình đào tạo đáp ứng các yêu cầu quy định tại các văn bản hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu

Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị thực hành, thí nghiệm, công nghệ thông tin, thư viện, học liệu, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo đáp ứng các yêu cầu quy định tại các văn bản hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

XII. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN: Đính kèm

HIỆU TRƯỞNG

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày ... tháng ... năm 20..
P. TRƯỞNG KHOA PT P. TRƯỞNG BỘ MÔN

PGS. TS. LS Nguyễn Thị Hoài Phương NCS. ThS. Trịnh Đình Cường ThS. Ngô Thúy Lân